

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH H

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị T Huyền, bà Trần Thị Tứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, Tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/03/2022 về “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/04/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Đức T; Sinh năm: 1984; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh H; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Phan Thị L; Sinh năm: 1996; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh H; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Ngô Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh H ngày 24/10/2016. Trong thời kỳ đầu hôn nhân, anh T và chị L chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất Đ quan điểm trong cuộc sống, đòi đi làm ăn xa không chịu ở nhà chăm con. Sau đó chị L đi làm ăn xa, không chịu trở về để chung sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2019. Nay anh T không còn tình cảm, yêu cầu được ly hôn chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Thị Bảo N, sinh ngày 03/09/2017 hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện, anh T đề

ngợi Tòa án giải quyết con chung theo quy định của pháp luật. Sau đó anh T trình bày nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T và chị L tự giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị Phan Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh H vào ngày 24/10/2016. Chị L thừa nhận vợ chồng đã ly thân nhưng cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ nhặt nên không Đ ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Thị Bảo N, sinh ngày 03/09/2017. Khi con được 08 tháng tuổi thì chị L gửi con cho ông bà ngoại để đi chữa bệnh tuyến giáp và đi làm ăn. Từ năm 2021 cho đến nay anh T đưa con về bên nội nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S và Ban công an xã S thể hiện: Anh T và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S vào ngày 24/10/2016 và có 01 con chung là cháu Ngô Thị Bảo N, sinh ngày 03/09/2017; Anh T và chị L đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh H; Từ trước tới nay chị L không báo cáo gì về việc thay đổi nơi cư trú nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Chị L đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không nắm được.

Ý kiến của ông Phan Tất Đ (bố đẻ chị L) thể hiện: Sau khi sinh con được 08 tháng thì chị L gửi con cho ông bà ngoại để chữa bệnh tuyến giáp và đi làm ăn. Trong thời gian ông bà ngoại nuôi dưỡng cháu Bảo N thì anh T có gửi tiền nuôi cháu, ông bà không có yêu cầu gì thêm về tiền công nuôi cháu. Việc chị L đi làm ăn là hai vợ chồng có bàn bạc với nhau chứ không phải chị L tự ý đi không bàn bạc. Đến năm 2020 thì anh T đã đưa cháu Bảo N về nội nuôi dưỡng cho đến nay.

Ý kiến của bà Đặng Thị T (mẹ đẻ anh T) thể hiện: Hiện nay bà đang hỗ trợ anh T nuôi cháu Bảo N, không yêu cầu gì về tiền công nuôi cháu.

Tại phiên tòa, anh T vẫn yêu cầu được ly hôn chị L và được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn hiện đúng, đủ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện nghĩa vụ của mình chưa đầy đủ.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh T ly hôn chị L và giao cháu Ngô Thị Bảo N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên miễn xét; Về án phí: Anh T phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn chị Phan Thị L đăng ký thường trú tại Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh H. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị đơn đã được nhận Thông báo thụ lý vụ án và trình bày ý kiến của mình, sau đó đi khỏi nơi cư trú nhưng không báo cáo với chính quyền địa phương, không thông báo cho tòa án và nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng Đ thời gửi về nơi cư trú cuối cùng của bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến làm việc theo sự triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 20/5/2022, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L:

Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ nhất không đáng kể, không Đ ý ly hôn nhưng sau khi nhận thông báo thụ lý của Tòa án thì chị L không có phương án gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có mặt để làm việc theo triệu tập của Tòa án mà không có lý do. Vợ chồng đã ly thân trong một thời gian dài, cuộc sống chung không còn tồn tại. Dù đã được phân tích, khuyên giải về việc hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T trình bày không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn còn chị L cũng bỏ mặc cuộc hôn nhân của mình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn chị L.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T đều có nguyện vọng nuôi con nhưng cháu Bảo N đã sinh sống ổn định cùng với bố tại nhà bà nội từ năm 2020 cho đến nay. Anh T làm nghề lái xe, thỉnh thoảng đi xa nhà nhưng được mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc con, có chỗ ở cố định tại Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh H và có thu nhập ổn định. Theo xác nhận của Công ty TNHH Một thành viên Tiếp vận MK Asean thì lương hàng tháng trung bình 06 tháng gần nhất từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2022 của anh T đều trên 18.000.000.000 Đ (mười tám triệu Đ). Chị L trình bày thu nhập mỗi tháng 20.000.000 Đ (hai mươi triệu Đ) nhưng công việc cụ thể và chỗ ở hiện nay của chị ở đâu thì không có cơ sở để xác định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Ngô Thị Bảo N cho anh Ngô Đức T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Phan Thị L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu trách nhiệm nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Ngô Đức T ly hôn chị Phan Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Bảo N, sinh ngày 03/9/2017 cho anh Ngô Đức T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Chị Phan Thị L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với anh Ngô Đức T và có quyền thăm nom cháu N mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Đức T chịu trách nhiệm nộp tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 10790 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Ngô Đức T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phan Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã S;
- TAND tỉnh H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh